

CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG MỨC SẢN XUẤT QUỐC GIA

1. DƯƠNG TẤN DIỆP

Cho đến nay vẫn tồn tại hai hệ thống đo lường: một theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc và một theo tiêu chuẩn của khối EV (Hội đồng tương trợ Kinh tế). Mỗi hệ thống có ưu nhược điểm của nó. Vấn đề là phải biết phân định và sử dụng chúng hợp lý. Gần đây một số sách báo trình bày khái niệm và cách tính các chỉ tiêu đo lường mức sản xuất quốc gia trên cơ sở tham khảo tài liệu các nước TBCN (theo hệ thống của LHQ), xem đó như là những khái niệm và cách tính hiển nhiên, không cần phân biệt, so sánh, đánh giá gì cả, thậm chí có khi cũng không biết chúng ta đang sử dụng một hệ thống đo lường khác! Tất nhiên rằng nên bảo vệ hệ thống đo lường của mình nếu như nó có nhiều nhược điểm hơn. Song trước hết cần phải vạch ra ưu nhược điểm của hai hệ thống đó để có sự lựa chọn hay sửa đổi. Không thể đơn giản lấy khái niệm của một hệ thống đo lường khác mà nhào bầy như là khái niệm chung của kinh tế học.

CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG CỦA HỆ THỐNG XHCN

1. Tổng sản phẩm xã hội (TSPXH)

Tổng sản phẩm xã hội hay tổng sản phẩm quốc dân hay tổng sản phẩm của một nước là chỉ tiêu phản ánh giá trị bằng tiền của toàn bộ khối lượng sản phẩm (hữu hình và vô hình) do các ngành sản xuất nước đó tạo ra, được tính trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.

Nếu lượng giá trị đó được tính theo giá hiện hành thì ta có TSPXH danh nghĩa. Còn nếu tính theo giá cố định hoặc giá so sánh thì ta có TSPXH thực tế, trong mối quan hệ so sánh giữa các năm được tính theo giá này.

TSP dưới CNXH được tính theo quan điểm về "sản xuất" và "giá trị sản phẩm" của Marx. Thứ nhất nó chỉ bao gồm những sản phẩm do các ngành sản xuất vật chất tạo ra. Đó là tất cả các sản phẩm hữu hình có ích đã thông qua lao động của con người và các loại sản phẩm vô hình do một số ngành dịch vụ có tính chất sản xuất cung cấp. Dịch vụ có tính chất sản xuất phần dịch vụ làm tăng thêm giá trị (chứ không tạo ra giá trị sử dụng) của sản phẩm hữu hình, bao gồm một phần sản phẩm của các ngành như thương nghiệp, giao thông vận tải,... Như vậy ngành nào là ngành sản xuất vật chất, tính giá trị hoạt động của ngành hay chỉ tính một phần, phải có qui định cụ thể. Đây là nhược điểm đầu tiên của chỉ tiêu này. Nó gây khó khăn trong việc tính toán và tạo ra sự khác nhau giữa các nước XHCN, khó so sánh.

Về mặt giá trị, TSPXH bao gồm ba bộ phận cấu thành giá hàng hóa. Đó là hao phí tư bản bất biến C (hao phí lao động t hóa, hay lao động quá khứ, giá trị chuyển dịch), hao phí tư bản khả biến V (hao phí lao động sống, giá trị cho mình) và giá trị SP thặng dư m (giá trị sản phẩm cho xã hội). Nhược điểm của TSPXH là có sự tính trùng trong C, đôi khi bị thổi phồng chỉ vì sự thay đổi cơ cấu kinh tế, tăng cường mức độ chuyên môn hóa của nền kinh tế.

Có thể xuất phát từ giai đoạn sản xuất, hoặc giai đoạn sử dụng để tính TSPXH. Trong giai đoạn sản xuất, TSP được tính theo hai cách. Cách thứ nhất là cộng tổng sản lượng của tất cả

các ngành sản xuất vật chất. Cách thứ hai là cộng các yếu tố cấu thành giá trị TSP, tức là $TSPXH = C + V + m$. Trong giai đoạn sử dụng, TSP được tính bằng cách cộng quỹ bù đắp với quỹ tiêu dùng, quỹ tích lũy và tổn thất trong quá trình vận động từ sản xuất đến sử dụng cuối cùng. Thông thường khi nghiên cứu lý thuyết kinh tế người ta bỏ qua phần tổn thất. Từ đây chúng ta sẽ không đề cập đến nó, xem như tổn thất bằng không. Tổng sản phẩm tính theo phương pháp sản xuất được gọi là TSP sản xuất, tính theo phương pháp sử dụng được gọi là TSP sử dụng. Dương nhiên trong nền kinh tế đóng thì TSPSX bằng TSPSD.

TSP XHCN được tính trong phạm vi lãnh thổ một nước, không chú ý đến yếu tố người nước ngoài đầu tư vào trong nước và người trong nước đầu tư ra nước ngoài. Nó chỉ chú ý đến lượng sản phẩm vào và ra trên lãnh thổ nước đó. Để phản ánh cả lượng sản phẩm vào ra này, khái niệm nguồn sản phẩm và sử dụng nguồn xuất hiện. Nguồn sản phẩm bao gồm TSPXH sản xuất trong nước cộng thêm phần nhập từ bên ngoài (nhập khẩu, vay, nhận viện trợ, nhận trả nợ). Sử dụng nguồn bao gồm bù đắp, tiêu dùng, tích lũy, xuất ra ngoài (xuất khẩu, cho vay, trả nợ, viện trợ). Theo nguyên tắc cân đối thì nguồn bằng sử dụng nguồn, tức là:

$$TSPSX + \text{Nhập} = \text{Bù đắp} + \text{Tiêu dùng} + \text{Tích lũy} + \text{Xuất}$$

$$\text{Vay TSPSX} = \text{Bù đắp} + \text{Tiêu dùng} + \text{Tích lũy} + \text{Xuất} - \text{Nhập} \quad (1)$$

2. Sản phẩm thuần túy qui ước (SPTTQU)

Là một bộ phận của TSPXH, bao gồm toàn bộ giá trị tài sản cố định đã hao mòn trong sản xuất C1 (khấu hao) cộng với giá trị mới sáng tạo của nền kinh tế (V + m).

$$SPTTQU = C1 + V + M$$

$$= \text{TSP sản xuất} - C2$$

Với C2 là chi phí vật chất thường xuyên hay còn gọi là hao phí sản phẩm trung gian hay sản phẩm trung gian. Đó là các loại sản phẩm được tiếp tục đưa vào gia công, chế biến dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng, bán thành phẩm.

3. Sản phẩm xã hội cuối cùng (2) (SPXHCC)

Là một phần của TSPXH dùng để đáp ứng các nhu cầu sử dụng cuối cùng của nền kinh tế. Xét trong nền kinh tế đóng nó bao gồm đầu tư (đầu tư bù đắp TSCĐ và đầu tư mở rộng lấy từ quỹ tích lũy) và tiêu dùng. Tức là:

$$SPXHCC = \text{Đầu tư} + \text{Tiêu dùng}$$

$$= \text{TSP sử dụng} - \text{Sản phẩm trung gian}$$

$$\text{Mà TSP sử dụng} = \text{TSP sản xuất}$$

$$\text{Nên SPXHCC} = SPTTQU \quad (3)$$

Hai chỉ tiêu này khác nhau ở chỗ SPTTQU được đề cập đến trong khâu sản xuất, còn SPXHCC được xét ở khâu sử dụng. Sau đây một số nhà kinh tế cũng sử dụng khái niệm SPXHCC chung cho cả hai khâu sản xuất và sử dụng.

Khí xét nền KT mở thì SPXHCC được mở rộng theo hai cách:

$$SPXHCC = \text{Tiêu dùng} + \text{Đầu tư} + \text{Chênh lệch xuất nhập}$$

$$\text{hoặc SPXHCC} = \text{Tiêu dùng} + \text{Đầu tư} + \text{Xuất}$$

Trong trường hợp thứ hai, cần cộng thêm vào SPTTQU lượng nhập vào trong nước để bảo đảm cân bằng.

4. Thu nhập quốc dân (TNQD)

Là một phần của TSPXH hay của SPXHCC hoặc SPTTQU. Trong giai đoạn sản xuất, TNQD sản xuất được tính như là tổng số sản phẩm thuần túy của các ngành sản xuất vật chất (4) hay là bằng TSPXH trừ đi chi phí vật chất thường xuyên (sản phẩm trung gian) và hao mòn TSCD. Trong giai đoạn phân phối lần đầu nó được tính bằng tổng số thu nhập lần đầu của các thành viên tham gia quá trình sản xuất vật chất. Trong giai đoạn phân phối lại thì bằng tổng thu nhập cuối cùng của tất cả các thành viên trong xã hội. Còn trong giai đoạn sử dụng thì TNQD sử dụng bằng quỹ tiêu dùng cộng quỹ tích lũy hoặc bằng SPXHCC trừ đi quỹ đầu tư bù đắp hao mòn TSCD. Nếu xét nền kinh tế mở thì cộng thêm phần "nhập" vào TNQD sản xuất và cộng thêm phần "xuất" vào TNQD sử dụng thành nguồn và sử dụng nguồn TNQD.

Cách tính TNQD trong giai đoạn phân phối lần đầu và phân phối lại chỉ đúng trong điều kiện thuần XHCN. Lúc đó bộ phận bù đắp tư liệu sản xuất đã tiêu hao được xem là đương nhiên, bắt buộc phải có để bảo đảm tái sản xuất giản đơn. Nó thuộc về tài sản chung không phân phối cho mọi người và cũng không xem là thu nhập của xí nghiệp. Vì vậy trong điều kiện hiện nay không thể tính theo các phương pháp này được.

Đôi khi người ta cũng dùng khái niệm "sản phẩm thuần túy" của nền kinh tế thay cho khái niệm TNQDSX, nhưng khái niệm này không được thông dụng lắm.

Tất cả các chỉ tiêu nêu trên đều có thể tính theo giá hiện hành, giá cố định hoặc giá so sánh. Từ đó tìm ra các chỉ tiêu bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng, hiệu quả kinh tế.

B. CÁC CHỈ TIÊU TRONG HỆ THỐNG TBCN

1. Tổng sản phẩm quốc dân (Gross National Product-GNP) và tổng sản phẩm quốc nội, (Gross Domestic Product - GDP)

GNP là chỉ tiêu "biểu thị giá trị tổng sản lượng của một quốc gia", nó phản ánh "giá trị tính bằng tiền của hàng hóa và dịch vụ của một nền kinh tế được tạo ra trong một thời kỳ nhất định" (5). Nếu tính theo giá hiện hành thì ta được chỉ tiêu GNP danh nghĩa, còn theo giá cố định hay giá so sánh thì được GNP thực tế, trong mỗi quan hệ so sánh giữa các năm tính theo giá đó (6).

Nói chung có nhiều khái niệm tổng quát về GNP và về

TSPXH dường như không khác nhau nhiều lắm. Tuy nhiên, nếu xét riêng quan điểm và phương pháp tính thì hai chỉ tiêu này khác nhau về bản chất. Vì vậy nhiều người bị nhầm lẫn bởi những khái niệm tổng quát.

Thứ nhất, các nước TBCN không phân biệt sản xuất vật chất và phi sản xuất vật chất theo kiểu các nước XHCN. Nếu dịch vụ y tế ở một nước XHCN được xem là phi sản xuất, không được tính vào TSPXH thì ở các nước TBCN nó là một thành phần của GNP. Tương tự như vậy đối với một phần các ngành bưu điện, giao thông vận tải, thương nghiệp và nhiều ngành khác thuộc khu vực phi sản xuất vật chất theo quan điểm XHCN. Sự khác nhau này có tạo ra chênh lệch hay không, nếu có thì chênh lệch nhiều hay ít, còn là vấn đề bàn cãi, không đề cập đến ở đây.

Thứ hai, trong chỉ tiêu GNP không chứa giá trị sản phẩm trung gian. Đây là bộ phận tính trùng. Thí dụ, giá trị điện cung cấp để chạy máy dệt đã được tính ở xí nghiệp sản xuất điện, bây giờ nếu cộng thêm vào giá trị của ngành dệt thì hóa ra tính đến hai lần. Vì vậy người ta loại ra tất cả các sản phẩm dùng cho sản xuất trung gian. Thực chất GNP chính là sản phẩm cuối cùng của nền kinh tế. Khi loại bỏ sự khác nhau về sản xuất và không sản xuất thì chỉ tiêu GNP tương đồng với chỉ tiêu SPXHCC hay SPTTQU ở các nước XHCN, nếu xét về cơ cấu giá trị sản phẩm. Vì vậy có người đưa ra khái niệm rõ ràng, xem "GNP là chỉ tiêu phản ánh giá trị bằng tiền của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do một quốc gia sản xuất ra trong một năm" (7).

Tuy nhiên nếu xét về phạm vi tính toán thì từ "quốc dân" (national) ở đây được quy ước là chỉ phản ánh phần đóng góp của công dân một nước. Điều đó có nghĩa là sản phẩm do người nước ngoài đầu tư vào trong nước tạo ra không được tính vào, còn sản phẩm do người trong nước đầu tư ra nước ngoài thì được tính vào GNP. Để phản ánh lượng sản phẩm được sản xuất trên lãnh thổ một nước, người ta dùng khái niệm TSP quốc nội GDP. Trong GDP chứa lượng sản phẩm do người nước ngoài đầu tư trong nước tạo ra nhưng lại không tính phần sản phẩm do người trong nước đầu tư ở nước ngoài. Như vậy nếu theo phạm vi tính toán thì GDP có vẻ gần với chỉ tiêu SPXHCC hoặc SPTTQU hơn. Chênh lệch giữa GNP và GDP càng lớn khi chênh lệch đầu tư ra nước ngoài và đầu tư vào trong nước càng cao.

Ta có: (8)

GDP = Tổng chi tiêu cho tiêu dùng
+ Tổng đầu tư trong nước + Xuất khẩu ròng
GNP = GDP + Thu nhập sản xuất ròng từ nước ngoài

(Tiếp theo trang 23)

PV: Chuyện tòa án của nước ta, mi biết gì mà nói?

TLN: Dạ, biết! Vì ở tòa án cũng có người hút thuốc lá ngoại. Ngày nào tui tôi cũng có mặt ở đó, sao không biết!

PV: Nhưng đó là thuốc lá ngoại đã bị bắt rồi giao cho thương nghiệp bán ra, chứ tòa án nước ta đâu có hút thuốc lá lậu.

TLN: Dạ, tôi biết tòa án nước ngoài luôn làm việc công khai chứ có lậu lẫm gì đâu. Tôi biết tòa án thành phố của ngài đã công khai cho vợ chồng DMI.. bị giam

tại khám Chí Hòa về tội buôn lậu... được tại ngoại để họ ... công khai bán nhà, công khai...ra Hà Nội và... công khai bay tuốt qua Ăng-lê!

PV : Ta không hỏi việc đó. Chỉ hỏi bao giờ mi rút khỏi nước ta?

TLN: Dạ, ở hoài... tới chết thôi. Vì tôi tin nước ngoài không bao giờ cấm tôi vô đây được!

Tôi định lấy cái bật lửa "tống" thuốc lá ngoại cho nó... "tàn" cuộc đời cao ngạo, nhưng thấy gần cả năm rồi nước mình chống buôn lậu thuốc lá ngoại chưa xong, sợ nó lại... cười chế diễu, nên thôi!

KN.

- = Tổng chi tiêu cho tiêu dùng
- + Tổng tiết kiệm quốc gia

Di nhiên GNP và GDP cũng có thể tính được bằng phương pháp sản xuất, cộng tất cả giá trị hàng hóa và dịch vụ tạo ra sau khi loại trừ sự tính trùng về sản phẩm trung gian.

2. Một số chỉ tiêu khác như sản phẩm quốc dân thuần túy (Net National Product- NNP) và thu nhập quốc dân (National Income - NI) được định nghĩa như sau:

$$\begin{aligned} \text{NNP} &= \text{GNP} - \text{Hao mòn TSCĐ (khấu hao)} \\ \text{NI} &= \text{NNP} - \text{Thuế} + \text{Trợ cấp.} \end{aligned}$$

Nếu bỏ qua sự khác biệt về sản xuất và phi sản xuất thì chỉ tiêu NNP tương đồng với chỉ tiêu TNQD ở các nước XHCN. Còn chỉ tiêu thu nhập quốc dân NI thực chất là phần thu nhập cuối cùng của nhân dân sau khi có sự tham gia của nhà nước bằng chính sách tài chính (không kể phần thu nhập dành cho khấu hao của các doanh nghiệp). Vì vậy không nên nhầm lẫn với chỉ tiêu thu nhập quốc dân mà ta đang sử dụng. Để phân biệt có thể gọi NI là "thu nhập nhân dân" (9) hoặc nếu vẫn gọi NI là TNQD thì chỉ tiêu TNQD của chúng ta nên gọi là sản phẩm thuần túy hay sản phẩm quốc dân thuần túy.

Ngoài ra ở các nước TBCN còn có hai chỉ tiêu khác rất quan trọng mà các nước XHCN không có. Đó là chỉ tiêu phúc lợi kinh tế ròng và chỉ tiêu mức sản xuất tiềm năng hay sản lượng tiềm năng.

3. Phúc lợi kinh tế ròng (Net Economic Welfare - NEW)

được định nghĩa:

$$\text{NEW} = \text{GNP} + \text{Phần tính sót hợp pháp} + \text{Những cái lợi không được tính trong GNP} - \text{Những cái hại chưa được trừ ra khỏi GNP.}$$

Phần tính sót do "kinh tế ngầm" tạo ra, bao gồm những hoạt động phi pháp như buôn lậu ma túy chẳng hạn và những hoạt động hợp pháp như kinh tế phụ gia đình chưa được tính đến (nồng dân canh tác thêm, bác sĩ làm ngoài giờ, v.v....). Người ta chỉ cộng thêm vào phần tính sót hợp pháp. Nếu trong GNP đã có phần này thì trong NEW nó bằng không. Thực chất đây là bộ phận điều chỉnh GNP đã được tính trước mà thôi.

Quan trọng hơn là những cái lợi không được tính, thí dụ như việc giảm bớt thời gian đi làm (làm cho GNP giảm) để tăng thời gian nghỉ ngơi, giải trí hoặc làm các công việc dịch vụ cho bản thân và gia đình. Ngược lại, có những cái hại chưa bị trừ ra như tình trạng ô nhiễm độc của các xí nghiệp gây ô nhiễm môi trường, làm giảm tuổi thọ; như tiếng ồn của xe cộ và máy móc tác hại đối với thần kinh...

Rõ ràng phúc lợi kinh tế thực tế phải trừ đi cái hại và cộng thêm cái lợi mà GNP không đo lường được. Đây là chỉ tiêu hết sức tiến bộ. Nó cho thấy không nhất thiết xã hội phải lao vào việc tăng trưởng vật chất đơn thuần. Nền kinh tế cần phải phục vụ cho những mục đích rộng lớn và đầy đủ hơn của cuộc sống, như sự cân bằng giữa làm việc và nghỉ ngơi, giải trí; sử dụng tốt hơn nguồn tài nguyên để bảo vệ môi trường.

4. Mức sản xuất tiềm năng (Potential Output)

Khác với từ hay dùng của chúng ta khi nói "tiềm năng sản xuất" là muốn đề cập đến mức sản xuất tối đa mà nền kinh tế có thể đạt được. Chỉ tiêu sản lượng tiềm năng ở các nước TBCN phản ánh mức sản xuất mà ở đó tương ứng với một tỷ lệ thất nghiệp chấp nhận được (gọi là mức thất nghiệp tự nhiên) và một tỷ lệ lạm phát vừa phải. Ở mức này nếu ta kích thích sản xuất bằng cách tăng cầu lên thì sẽ đẩy tốc độ lạm phát tăng nhanh

Đây là khái niệm tương đối, có tính chất qui ước. Tuy nhiên nó lại rất quan trọng trong việc quản lý kinh tế vĩ mô. Đó là cái mốc để tính toán các chỉ tiêu cân đối trong các chính sách hay kế hoạch của chính phủ.

Điều cần lưu ý là sản lượng tiềm năng không phải là mức sản xuất tối đa mà nền kinh tế có thể đạt được. Nhiều người đã hiểu sai khái niệm này (10). Ở mức tiềm năng vẫn còn lượng lao động và máy móc thiết bị chưa được khai thác hết. Chỉ có thể đạt mức sản xuất tối đa khi nền kinh tế nằm trong trạng thái toàn dụng. Lúc đó muốn tăng sản lượng hơn nữa cũng không thể được, bởi vì lao động đã được sử dụng hết, công suất máy móc thiết bị đã được tận dụng tối đa. Trong nền kinh tế thị trường, khi sản xuất vượt mức tiềm năng, tiến dần đến mức tối đa thì tỷ lệ lạm phát cao và tăng nhanh. Vì vậy chính phủ thường cố gắng giữ sao cho sản xuất ổn định ở mức tiềm năng. Tất nhiên mức này thay đổi hàng năm.

Qua những chỉ tiêu trên, thiết nghĩ trong điều kiện kinh tế nước ta hiện nay, nên đưa thêm một số chỉ tiêu mới vào hệ thống đo lường mức sản xuất quốc gia, nhưng không nhất thiết phải thay thế toàn bộ hệ thống đo lường cũ (di nhiên không loại trừ khả năng thay thế hoàn toàn nếu cần thiết). Mặt khác không thể giữ nguyên quan điểm và phương pháp tính trong hệ thống đó. Cần có sự sửa đổi nhất định để phù hợp với việc quản lý một nền kinh tế hỗn hợp, đồng thời có sự thống nhất tương đối với hệ thống đo lường của Liên Hiệp Quốc để có thể so sánh với các nước khác. Sửa như thế nào, đó là vấn đề cấp thiết cần phải được đặt ra và giải quyết ngay từ lúc này. Trong khi chờ đợi sự thống nhất ý kiến, không nên vội vã xem hệ thống đo lường của LHQ là hiển nhiên như một số tác giả đã trình bày. Đầu sao đi nữa, khi nghiên cứu kinh tế cần chú ý đến thực tế khách quan và phải đề cập đúng mức đến nó.

Chú thích

- (1) Về lý thuyết còn phải kể đến chênh lệch tỷ giá hối đoái nhưng thực tế người ta bỏ qua phần này.
- (2) Có người gọi là sản phẩm cuối cùng. Tuy nhiên nên phân biệt SPXHCC là sản phẩm cuối cùng của nền kinh tế với SPCC của xí nghiệp, của ngành.
- (3) Điều này chỉ đúng khi xét toàn bộ nền kinh tế.
- (4) SPTT của ngành là giá trị mới sáng tạo của ngành đó. Nó bằng $(V+m)$ của ngành hay bằng tổng sản lượng ngành trừ chi phí bất biến C.
- (5) P.A Samuelson và W.D Nordhaus: "Economics" - 1985
- (6) Cần chú ý đến đặc điểm "tương đối" này khi trình bày khái niệm GNP thực tế (hay TSPXH hay các chỉ tiêu khác). Từ "thực tế" ở đây hoàn toàn chỉ có ý nghĩa so sánh tương đối mà thôi.
- (7) (8) Bong Suh Lee: Bài giảng lớp Quản lý kinh tế vĩ mô - Hà Nội, 1991
- (9) "Thống kê thu nhập quốc dân" dịch từ tiếng Đức - 1984
- (10) Nguyễn Đình Thọ: "Tổng sản phẩm quốc dân GNP..." Tập san "Phát triển kinh tế", số 8, tháng 4 năm 1991.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Các tài liệu đã chú thích
2. "Từ điển kinh tế chính trị" dịch từ tiếng Nga-NXB Sự thật-1987
3. "Từ điển thống kê", Tổng cục TK biên soạn - 1977
4. Giáo trình "Thống kê kinh tế", DH Kinh tế quốc dân biên soạn
5. "Economics"-Richard G. Lipsey và Peter O.Steiner